|  |  |
| --- | --- |
|  | **9. Đề thi thử TN THPT môn Địa Lý - Năm 2024** |

**Câu 41.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây có dân số trên 1.000.000 người?

**\*A.** Hải Phòng.  **B.** Việt Trì.

**C.** Tuy Hòa.  **D.** Vĩnh Long.

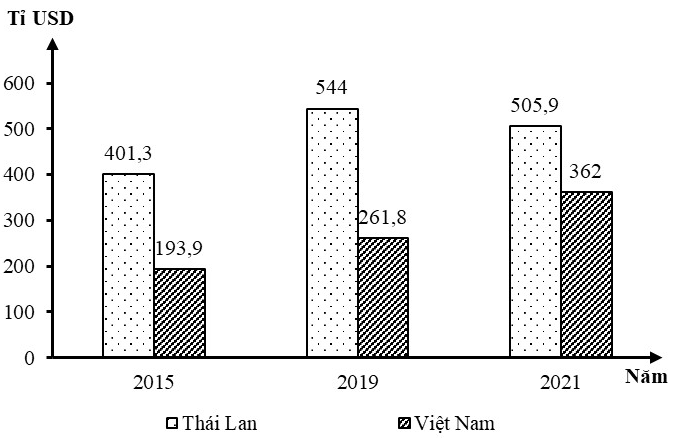
**Câu 42.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết tỉnh nào sau đây của nước ta có khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy?

**A.** Cao Bằng.  **\*B.** Hà Giang.

**C.** Lào Cai.  **D.** Sơn La.

**Câu 43.**

Cho biểu đồ:



TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC (GDP) CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM, NĂM 2015, 2019 VÀ 2021

*(Số liệu theo Niên giám thống kê ASEAN 2022, https://www.aseanstats.org)*

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về thay đổi tổng sản phẩm trong nước của Thái Lan và Việt Nam qua các năm?

**A.** Thái Lan tăng gấp hai lần Việt Nam.  **B.** Thái Lan tăng nhanh hơn Việt Nam.

**\*C.** Việt Nam tăng nhiều hơn Thái Lan.  **D.** Thái Lan tăng nhiều hơn Việt Nam.

**Lời giải**

***- Giai đoạn 2015 - 2021 tổng sản phẩm trong nước của Thái Lan tăng 1,26 lần, Việt Nam 1,86 lần.***

***- Trên câu dẫn yêu cầu “thay đổi tổng sản phẩm trong nước của Việt Nam và Thái Lan”***

**Câu 44.** Cho bảng số liệu:

TỈ LỆ SINH VÀ TỈ LỆ TỬ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA, NĂM 2021

*(Đơn vị: ‰)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Quốc gia** | **In-đô-nê-xi-a** | **Phi-lip-pin** | **Mi-an-ma** | **Thái Lan** |
| Tỉ lệ sinh | 19 | 21 | 18 | 11 |
| Tỉ lệ tử | 7 | 6 | 8 | 8 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ tăng tự nhiên của một số quốc gia, năm 2021?

**A.** Mi-an-ma cao hơn In-đô-nê-xi-a  **B.** Thái Lan cao hơn Mi-an-ma

**\*C.** Phi-lip-pin cao hơn Thái Lan.  **D.** In-đô-nê-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.

**Câu 45.** Các trung tâm công nghiệp nước ta hiện nay

**A.** chủ yếu có quy mô lớn.  **\*B.** phân bố không đồng đều.

**C.** có cơ cấu ngành hiện đại.  **D.** tập trung nhiều ở miền núi.

**Câu 46.** Thiên tai nào sau đây thường xảy ra ở vùng núi nước ta?

**\*A.** Lũ quét.  **B.** Cát bay.  **C.** Lụt úng.  **D.** Ngập mặn.

**Câu 47.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp Campuchia?

**A.** Lâm Đồng.  **B.** Ninh Thuận.

**\*C.** Bình Phước.  **D.** Bình Thuận.

**Câu 48.** Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trâu được nuôi nhiều ở tỉnh nào sau đây?

**\*A.** Bình Phước.  **B.** Cà Mau.

**C.** Trà Vinh.  **D.** Đồng Nai.

**Câu 49.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có tỷ lệ diện tích trồng lúa so với diện tích trồng cây lương thực thấp nhất vùng Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Bắc Ninh.  **\*B.** Vĩnh Phúc.

**C.** Hải Dương.  **D.** Hà Nam.

**Câu 50.** Biện pháp mở rộng rừng đặc dụng ở nước ta là

**A.** trồng rừng lấy gỗ.  **B.** khai thác gỗ củi.

**\*C.** lập vườn quốc gia.  **D.** trồng rừng tre nứa.

**Câu 51.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết lưu lượng nước trung bình lớn nhất của sông Hồng (trạm Hà Nội) vào thời gian nào sau đây?

**A.** Tháng 9.  **\*B.** Tháng 8.  **C.** Tháng 7.  **D.** Tháng 6.

**Câu 52.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 19 nối Tây Nguyên với cảng biển nào sau đây?

**A.** Dung Quất.  **\*B.** Quy Nhơn.

**C.** Đà Nẵng.  **D.** Nha Trang.

**Câu 53.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây thuộc cấp quốc gia?

**\*A.** TP. Hồ Chí Minh.  **B.** Lạng Sơn.

**C.** Vũng Tàu.  **D.** Nha Trang.

**Câu 54.** Công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay là ngành

**A.** ít tác động ngành khác.  **B.** chỉ phục vụ xuất khẩu.

**C.** phân bố rất đồng đều.  **\*D.** có thế mạnh lâu dài.

**Câu 55.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp nào có giá trị sản xuất nhỏ nhất trong các trung tâm sau đây?

**A.** Thủ Dầu Một.  **B.** Đà Nẵng.

**C.** Vũng Tàu.  **\*D.** Phan Thiết.

**Câu 56.** **:** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây công nghiệp nào sau đây?

**\*A.** Cao su.  **B.** Cà phê.  **C.** Hồ tiêu.  **D.** Chè.

**Câu 57.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, hãy cho biết cửa Thuận An thuộc tỉnh nào?

**A.** Hà Tĩnh.  **B.** Quảng Bình.

**C.** Quảng Trị.  **\*D.** Thừa Thiên - Huế.

**Câu 58.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết địa điểm nào có tổng lượng mưa từ tháng 11 đến tháng 4 lớn nhất trong các địa điểm sau đây?

**A.** Hà Tiên.  **B.** Lũng Cú.  **\*C.** Huế.  **D.** Hà Nội.

**Câu 59.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết nhà máy thủy điện Thác Bà thuộc tỉnh nào sau đây?

**\*A.** Lai Châu.  **B.** Yên Bái.

**C.** Sơn La.  **D.** Điện Biên.

**Câu 60.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết núi nào cao nhất trong các núi sau đây?

**A.** Pha Luông.  **B.** Rào Cỏ.

**C.** Chí Linh.  **\*D.** Pu Hoạt.

**Câu 61.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết tỉnh nào sau đây trồng nhiều cà phê?

**A.** Quảng Nam.  **\*B.** Đắc Lắc.

**C.** Bình Định.  **D.** Quảng Ngãi.

**Câu 62.** Căn cứ vào Atlat Địa Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây có khu kinh tế cửa khẩu?

**A.** Ninh Thuận.  **B.** Bình Thuận.

**C.** Quảng Ngãi.  **\*D.** Kon Tum.

**Câu 63.** Các đảo ven bờ nước ta

**A.** đều có khu bảo tồn thiên nhiên.  **\*B.** có khả năng nuôi trồng thủy sản.

**C.** tập trung phát triển khai khoáng.  **D.** có nhiều thuận lợi trồng lúa gạo.

**Lời giải**

***Vì các đảo ven bờ của nước ta thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản, có các bãi triều, đầm phá.***

**Câu 64.** Ngành vận tải hàng không ở nước ta hiện nay

**A.** có khối lượng vận chuyển lớn nhất.  **B.** hoàn toàn là đường bay nội địa.

**C.** được phân bố đồng đều trên cả nước.  **\*D.** chủ yếu là vận chuyển hành khách.

**Lời giải**

***- ngành vận tải hàng không cước phí đắt, chi phí lớn không thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa.***

**Câu 65.** Chăn nuôi của nước ta hiện nay

**A.** đã đem lại hiệu quả sản xuất rất cao.  **B.** hoàn toàn dùng thức ăn từ tự nhiên.

**\*C.** tạo ra được các sản phẩm hàng hóa.  **D.** chỉ phát triển ở khu vực đồng bằng.

**Lời giải**

***- Hướng đến sản xuất hàng hóa***

**Câu 66.** Hoạt động nuôi trồng thuỷ sản ở nước ta hiện nay

**A.** có sản lượng ít hơn khai thác.  **\*B.** còn nhiều tiềm năng phát triển.

**C.** chủ yếu tập trung ở miền núi.  **D.** chỉ phục vụ thị trường nội địa

**Lời giải**

- có nhiều điều kiện thuận lợi, nhiều tiềm năng như hệ thống sông ngòi, kênh rạch, đầm phá….

**Câu 67.** Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc nên có

**A.** sông ngòi dày đặc.  **B.** địa hình đa dạng.

**C.** nhiều khoáng sản.  **\*D.** tổng bức xạ lớn.

**Câu 68.** Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của nước ta hiện nay

**\*A.** tăng tỉ trọng ở nhóm các ngành dịch vụ.  **B.** giảm tỉ trọng ở công nghiệp - xây dựng.

**C.** không có thay đổi tỉ trọng ở các ngành.  **D.** tăng tỉ trọng ở nông - lâm - ngư nghiệp.

**Câu 69.** Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta hiện nay

**A.** đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển đất nước.

**B.** làm tăng mạnh tỉ trọng kinh tế Nhà nước.

**C.** tăng cao tỉ trọng công nghiệp khai khoáng.

**\*D.** hình thành các khu công nghiệp tập trung.

**Câu 70.** Cơ cấu sử dụng lao động nước ta có sự thay đổi tích cực trong những năm gần đây chủ yếu do

**A.** năng suất lao động ngày càng cao.  **\*B.** chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**C.** nguồn lao động trẻ, năng động.  **D.** tác động của khoa học kĩ thuật.

**Lời giải**

– kinh tế thay đổi theo hướng giảm tỉ trọng ngành NN, tăng tỉ trọng ngành CN, DV

**Câu 71.** Biện pháp chủ yếu phát triển dịch vụ tiêu dùng ở Đồng bằng Sông Hồng là

**\*A.** tăng sản xuất hàng hóa, nâng cao mức sống.

**B.** mở rộng đô thị, hoàn thiện các cơ sở hạ tầng.

**C.** đa dạng ngành sản xuất, mở rộng thị trường.

**D.** thúc đẩy sản xuất, mở rộng hội nhập quốc tế.

**Lời giải**

– ĐBSH dân số đông, mức sống tốt

**Câu 72.** Chăn nuôi bò sữa ở Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển mạnh do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?

**\*A.** Nguồn thức ăn được đảm bảo, nhu cầu thị trường tăng.

**B.** Nhu cầu thị trường tăng, nhiều giống mới năng suất cao.

**C.** Cơ sở hạ tầng phát triển, nguồn thức ăn được đảm bảo.

**D.** Nhiều giống mới năng suất cao, cơ sở hạ tầng phát triển.

**Lời giải**

– TDMNBB có nhiều đồng cỏ lớn, chất lượng cuộc sống người dân tăng nên nhu cầu sữa tăng

**Câu 73.** Du lịch nước ta hiện nay phát triển mạnh chủ yếu do

**\*A.** hội nhập toàn cầu sâu rộng, kinh tế phát triển.

**B.** mức sống nâng cao, nhiều dịch vụ thuận tiện.

**C.** đổi mới chính sách, khai thác tốt tài nguyên.

**D.** hoàn thiện hạ tầng, mở rộng nhiều thị trường.

**Lời giải**

- chính sách mở cửa của nhà nước thu hút khách du lịch nước ngoài. Trong nước chất lượng CS người dân tăng, nhu cầu du lịch tăng…..

**Câu 74.** Việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải sẽ tạo ra bước ngoặt quan trọng trong hình thành cơ cấu kinh tế của Bắc Trung Bộ chủ yếu do

**A.** tạo thế mở cửa để hội nhập, giao lưu với các vùng khác.

**B.** làm thay đổi phân công lao động, thu hút thêm vốn đầu tư.

**\*C.** làm thay đổi cơ cấu kinh tế, khai thác hiệu quả tiềm năng.

**D.** tạo thay đổi lớn trong phát triển kinh tế - xã hội của vùng.

**Lời giải**

– cơ sở hạ tầng GTVT là một trong những yếu tố quan trọng để thay đổi cơ cấu kinh tế và sẽ khai thác tốt tiềm năng của vùng.

**Câu 75.** Cho bảng số liệu:

**DÂN SỐ THÀNH THỊ VÀ NÔNG THÔN NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2021**

*(Đơn vị: nghìn người)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2015** | **2017** | **2021** |
| Thành thị | 25585 | 31132 | 33121 | 36564 |
| Nông thôn | 60440 | 60582 | 62293 | 61941 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu dân số thành thị và nông thôn nước ta giai đoạn 2010 - 2021, các dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp?

**A.** Tròn, miền.  **\*B.** Cột, miền

**C.** Kết hợp, đường.  **D.** Đường, cột.

**Lời giải**

dựa vào từ khóa chuyển dịch cơ cấu

**Câu 76.** Mục đích chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất hàng hoá ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long nước ta là

**A.** khai thác các thế mạnh tự nhiên, giải quyết việc làm cho người lao động, tăng thu nhập.

**\*B.** chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, tạo hàng xuất khẩu có giá trị, sử dụng hợp lí tài nguyên.

**C.** chuyển dịch cơ cấu ngành thuỷ sản, tận dụng diện tích mặt nước, tìm kiếm ngư trường mới.

**D.** đẩy mạnh sản xuất thâm canh, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Lời giải**

- ĐBSCL có nhiều điều kiện tự nhiên thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nhưng không ít khó khăn như xâm nhập mặn, biến đổi khí hâu…., việc nuôi thủy sản theo hướng hàng hóa sẽ giúp tạo mặt hàng XK, chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp…

**Câu 77.** Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả kinh tế nông nghiệp hàng hóa ở Tây Nguyên là

**\*A.** liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng.

**B.** phát triển trang trại nông - lâm nghiệp, tăng chế biến và bảo quản.

**C.** đa dạng hóa nông sản xuất khẩu, mở rộng thêm thị trường tiêu thụ.

**D.** phát triển các vùng chuyên canh ứng dụng sản xuất công nghệ cao.

**Lời giải**

– TN còn nhiều khó khăn như giao thông hạn chế, các cơ sở chế biến còn ít…

**Câu 78.** Việc đầu tư xây dựng các cảng nước sâu ở Duyên hải Nam Trung Bộ đem lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

**A.** Tăng trao đổi hàng hóa, thay đổi phân bố dân cư, giải quyết vấn đề việc làm.

**B.** phát huy thế mạnh biển, đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo lãnh thổ.

**C.** phát triển tổng hợp kinh tế biển, thay đổi bộ mặt nhiều địa phương ven biển.

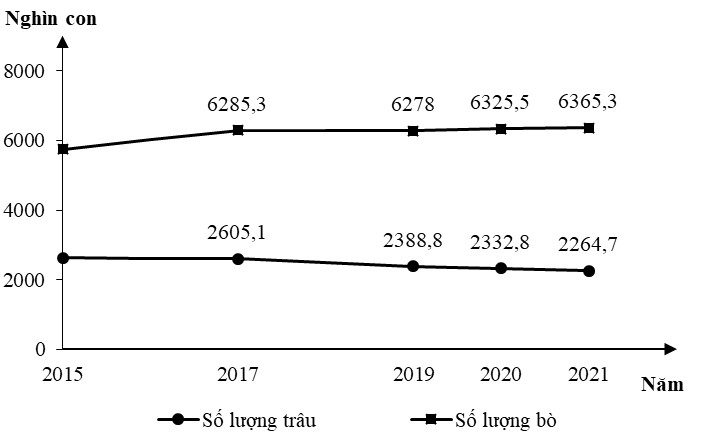
**\*D.** Tăng năng lực vận chuyển, thu hút vốn đầu tư, hình thành khu công nghiệp.

**Lời giải**

– DHNTB là vùng có nhiều tiêm năng nhất cả nước trong việc xây dựng cảng, đặc biệt là xây dựng cảng nước sâu, chất lượng cuộc sống người dân nhìn chung còn chưa cao.

**Câu 79.**

Cho biểu đồ về số lượng trâu và bò của nước ta, giai đoạn 2015 - 2021:



*(Nguồn: Niêm giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

**\*A.** Quy mô số lượng trâu và bò.  **B.** Cơ cấu số lượng trâu và bò.

**C.** Tốc độ tăng số lượng trâu và bò.  **D.** Thay đổi cơ cấu số lượng trâu và bò.

**Lời giải**

- Biểu đồ đường số liệu tuyệt đối

**Câu 80.** Khí hậu nước ta phân hóa đa dạng chủ yếu là do tác động kết hợp của

**A.** hướng các dãy núi chính, độ cao địa hình, gió hướng tây nam, Tín Phong.

**B.** vĩ độ địa lí, Tín phong bán cầu Bắc, gió phơn Tây Nam, cấu trúc địa hình.

**C.** hình dạng lãnh thổ, hướng nghiêng địa hình, hướng núi và gió đông bắc.

**\*D.** vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, Tín phong và gió mùa, đặc điểm địa hình.

**Lời giải**

=- Nước ta có vị trí nằm trong khu vực nội chí tuyến, trải dài trên 15 vĩ tuyến, thuộc khu vực hoạt động của gió mùa châu Á và Tín phong bán cầu Bắc tạo nên sự phân hóa của khí hậu theo chiều Bắc - Nam và theo mùa.

- Địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi, có tính phân bậc với 2 hướng địa hình chính là hướng tây bắc - đông nam và hướng vòng cung, ngoài ra còn có hướng tây - đông tạo nên sự phân hóa của khí hậu theo độ cao, theo chiều đông - tây và theo chiều bắc - nam.

Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com

https://www.vnteach.com